

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2024/DS-ST
Ngày: 09 - 5 - 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Trãi.
- Ông Võ Tự Trị.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Thanh T** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ trụ sở tại: Số X đường P, phường C, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Hồ Tr** – Nhân viên khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Cần Thơ – Phòng giao dịch Tr. (có mặt)

Địa chỉ: Lô A, Khu công nghiệp Tr, phường Tr, quận B, thành phố Cần Thơ. (Giấy ủy quyền ngày 01/02/2024)

Bị đơn: Bà **Phạm Nguyễn Thùy D**, sinh năm 1990. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực H, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại Đơn khởi kiện ngày 22/6/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (có đại diện là ông Phạm Hồ Tr) trình bày:**

Bà Phạm Nguyễn Thùy D có quan hệ tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh Cần Thơ - Phòng giao dịch Tr (sau đây viết tắt là

Ngân Hàng Đ) theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ và Danh sách cho vay trả góp đợt vay số 0074348001T16111 ngày 17/08/2016 chi tiết như sau:

Số tiền vay: 25.000.000 đồng, lãi suất: 8%/năm (lãi gộp), thời hạn vay: 18 tháng, mục đích vay: Cho vay tiêu dùng trả góp, biện pháp đảm bảo: Tín chấp. Trong quá trình vay, từ ngày 17/08/2016 đến ngày 13/04/2017 bà D chỉ trả được số tiền vốn 6.374.496 đồng và tiền lãi trong hạn 1.403.509 đồng, tổng cộng là 7.778.005 đồng (*Bảy triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn không trăm lẻ năm đồng*).

Tính đến ngày 13/06/2022, bà D còn nợ Ngân Hàng Đ số tiền vốn 18.625.504 đồng, lãi trong hạn 1.596.491 đồng, lãi quá hạn 10.936.960 đồng, tổng cộng là 31.158.955 đồng (*Ba mươi một triệu, một trăm năm mươi tám nghìn, chín trăm năm mươi lăm đồng*). Do đó, Ngân Hàng Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà D trả cho Ngân Hàng Đ tổng số tiền nợ tính đến ngày 13/06/2022 là 31.158.955 và tiền lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn từ ngày 14/06/2022 đến ngày bà D thực trả hết nợ cho Ngân Hàng Đ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ đối với bị đơn bà Phạm Nguyễn Thùy D để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng bà D nhiều lần vắng mặt không có lý do. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn yêu cầu bà D thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 35.480.071 đồng, trong đó nợ gốc là 18.625.504 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.596.491 đồng, tiền lãi quá hạn là 15.258.076 đồng (tạm tính đến ngày 09/5/2024). Đồng thời, yêu cầu bà D tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 10/5/2024 cho đến khi trả dứt nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng tín dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh tranh chấp nên nguyên đơn khởi kiện. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điều 35 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Phạm Nguyễn Thùy D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào nội dung Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 08/8/2016 và Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ, đợt vay số 0074348001T16111 có thể hiện, Ngân Hàng Đ cho bà D vay số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 8%/năm (lãi gộp tổng cộng là 3.000.000 đồng), lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất cho vay trong hạn (12%/năm), thời hạn vay 18 tháng tính từ ngày 17/8/2016 đến ngày 17/02/2018, thanh toán nợ bằng hình thức trả góp hàng tháng. Ngày 17/8/2016, Ngân Hàng Đ đã giải ngân cho bà D bằng cách chuyển số tiền 25.000.000 đồng vào số tài khoản 0107586978, có chữ ký xác nhận của bà D. Sau khi được giải ngân, bà D đã thanh toán cho Ngân Hàng Đ 05 lần (trả góp hàng tháng) với tổng số tiền nợ gốc là 6.374.496 đồng và tiền lãi trong hạn 1.403.509 đồng, tổng cộng là 7.778.005 đồng. Sau đó, bà D không tiếp tục trả nợ theo thỏa thuận, Ngân Hàng Đ có liên hệ nhắc nhở và gửi cho bà D Thông báo yêu cầu thanh toán nợ vay ngày 27/10/2020, Thông báo về việc xử lý nợ vay chậm thanh toán ngày 06/4/2022 để yêu cầu bà D thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà D vẫn không thực hiện. Do đó, ngày 22/6/2022, Ngân Hàng Đ đã nộp đơn khởi kiện để yêu cầu bà D thanh toán số tiền nợ gốc, lãi còn lại cho Ngân Hàng Đ.

Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng vay tín chấp đã được các bên tự nguyện giao kết với nhau, về nội dung và hình thức của hợp đồng thỏa mãn các điều kiện được quy định tại Điều 122 Bộ luật dân sự năm 2005 nên các bên có nghĩa vụ phải thực hiện. Trong quá trình vay vốn, bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận nên Ngân Hàng Đ khởi kiện yêu cầu bà D trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng đã ký kết là có cơ sở để chấp nhận. Như vậy, tính đến ngày 09/5/2024, bà D còn nợ Ngân Hàng Đ số tiền nợ gốc là 18.625.504 đồng, lãi trong hạn 1.596.491 đồng, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 09/5/2024 là 15.258.076 đồng, tổng cộng là 35.480.071 đồng. Do đó, cần buộc bà D trả cho Ngân Hàng Đ số tiền gốc và lãi nêu trên là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Nguyên đơn được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 122 Bộ luật dân sự 2005;
- Điều 91; Điều 94; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (có đại diện là ông Phạm Hồ Tr):

Buộc bị đơn bà Phạm Nguyễn Thùy D trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền 35.480.071 đồng (*Ba mươi lăm triệu, bốn trăm tám mươi nghìn, không trăm bảy mươi một đồng*).

(Trong đó nợ gốc là 18.625.504 đồng, lãi trong hạn 1.596.491 đồng, tiền lãi quá hạn là 15.258.076 đồng).

Kể từ ngày 10/5/2024, bà Phạm Nguyễn Thùy D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Nguyễn Thùy D phải nộp số tiền 1.774.000 đồng (*Một triệu, bảy trăm bảy mươi bốn nghìn đồng*).

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ được nhận lại số tiền 779.000 đồng (*Bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004532 ngày 01/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Bùi Trần Thanh Thế

